

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2003/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 115/2008/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2005/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (sau đây gọi tắt là Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg);

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính công ty nhà nước và quản lý phần vốn nhà nước đầu tư ở doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số

199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định trên;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính đối với công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ quan đặt hàng hoặc giao kế hoạch: là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan giao kế hoạch).

2. Đơn vị nhận đặt hàng, đơn vị được giao kế hoạch:

2.1. Đơn vị nhận đặt hàng: Các công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi (sau đây gọi là đơn vị nhận đặt hàng).

2.2. Đơn vị được giao kế hoạch: Các công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, các tổ chức khác của nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi (sau đây gọi là đơn vị được giao kế hoạch).

Căn cứ quy mô công trình thủy lợi, đặc thù của từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định áp dụng hình thức đặt hàng hay giao kế hoạch cho phù hợp để hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi đạt hiệu quả cao nhất.

3. Sản phẩm đặt hàng, giao kế hoạch: Là diện tích (ha) hoặc mét khối (m³) được tưới nước, tiêu nước và cấp nước.

4. Giá, đơn giá đặt hàng, giao kế hoạch được xác định trên cơ sở mức thu thủy lợi phí do Chính phủ quy định hoặc được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được ngân sách nhà nước cấp thanh toán số tiền do miễn thu thủy lợi phí theo quy định hiện hành.

Đối với số thủy lợi phí của các đối tượng không được miễn, đơn vị nhận đặt hàng, giao kế hoạch có nhiệm vụ phải thu thủy lợi phí theo quy định hiện hành.

6. Công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nhận đặt hàng, giao kế hoạch theo mức thu thủy lợi phí do Chính phủ quy định, nếu mức thu thấp hơn chi phí thực tế hợp lý sẽ được ngân sách nhà nước trợ cấp, trợ giá; công ty không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 02 tháng lương thực tế được Nhà nước hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương với mức 02 tháng lương thực tế thực hiện trong năm.

Trường hợp công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo hình thức đặt hàng mà trong đơn giá đặt hàng đã tính phần lợi nhuận hợp lý bao gồm cả quỹ khen thưởng và phúc lợi tương đương với 02 tháng lương thực tế thực hiện trong năm thì sẽ không được hưởng khoản hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi nữa.

Ngân sách trung ương trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty quản lý khai thác thủy lợi do trung ương quản lý; ngân sách địa phương trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

7. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện quy chế quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/9/2006 của Chính phủ và Thông tư số 24/2007/TT-BTC ngày 27/03/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định trên.

8. Công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện quản lý tài chính theo Quy chế quản lý tài chính công ty nhà nước hiện hành và các quy định trong Thông tư này .

II. LẬP KẾ HOẠCH, GIAO DỰ TOÁN, HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG, CẤP PHÁT, THANH QUYẾT TOÁN SẢN PHẨM ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH, ĐẶT HÀNG VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ TÀI CHÍNH DỊCH VỤ TƯỚI NƯỚC, TIÊU NƯỚC, CẤP NƯỚC.

1. Lập kế hoạch:

1.1. Đối với trường hợp giao kế hoạch:

Hàng năm các đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải lập kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường, kế hoạch tài chính theo mẫu biểu quy định tại phụ lục số 01 và Sở Tài chính tổng hợp theo mẫu biểu quy

định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch xem xét, quyết định.

Khi xây dựng kế hoạch các đơn vị phải có các phụ biểu để giải trình và thuyết minh số liệu cho biểu phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị thuộc huyện quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trung ương báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

1.2. Đối với trường hợp đặt hàng:

Hàng năm căn cứ vào thực trạng tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường, đơn vị đặt hàng lập kế hoạch cụ thể đối với từng nhiệm vụ cần đặt hàng gửi cơ quan tài chính để tổng hợp trong kế hoạch ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự thời gian lập kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Tổng hợp dự toán, giao kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi:

2.1. Tổng hợp kế hoạch:

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch của các đơn vị thuộc tỉnh, thành phố quản lý (bao gồm cả kế hoạch của đơn vị thuộc cấp huyện quản lý) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong kế hoạch tổng hợp phải xác định rõ số kinh phí ngân sách cấp theo từng loại:

- Cấp bù thủy lợi phí được miễn;
- Kinh phí trợ cấp, trợ giá;
- Kinh phí sửa chữa lớn;
- Hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Hỗ trợ khác.

Các khoản hỗ trợ cần được phân định theo nguồn kinh phí ngân sách trung ương, ngân sách địa phương.

2.2. Giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

Việc giao kế hoạch thực hiện theo Điều 17, Điều 18 Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích ban hành kèm theo Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 5, Điều 13, Điều 17 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ.

Đối với các đơn vị sự nghiệp làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thời gian giao kế hoạch cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao kế hoạch cho các đơn vị sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính.

- Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc địa phương: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao kế hoạch hoặc ủy quyền cho Sở, Ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị thủy nông cấp huyện quản lý) giao kế hoạch cho các đơn vị.

2.3. Điều chỉnh kế hoạch:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch nếu có biến động về chính sách tiền lương, giá cả thì cơ quan giao kế hoạch xem xét và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

2.4. Kết thúc năm tài chính đơn vị được giao kế hoạch phải báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch được lập trên cơ sở biên bản thanh lý hợp đồng tưới nước, tiêu nước và cấp nước giữa đơn vị quản lý và khai thác công trình thủy lợi với các tổ chức hợp tác dùng nước, hộ dùng nước (hoặc sở bộ tưới nước, tiêu nước, cấp nước). Báo cáo thực hiện kế hoạch được gửi cho cơ quan giao kế hoạch và cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trung ương; Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi địa phương).

Báo cáo thực hiện kế hoạch là căn cứ để quyết toán kinh phí cấp bù, hỗ trợ tài chính cho các đơn vị được giao kế hoạch.

3. Hợp đồng đặt hàng cho các đơn vị nhận đặt hàng:

3.1. Trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc Bộ ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thủy lợi do Bộ quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ủy quyền cho các Sở, Ngành trực thuộc tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị thủy nông do huyện quản lý) ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý. Mẫu hợp đồng theo quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này (trong nội dung hợp đồng có thể bổ sung một số điều khoản và phụ lục cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương).

3.2. Căn cứ vào hợp đồng đặt hàng với cơ quan nhà nước, các công ty khai thác công trình thủy lợi ký hợp đồng với các tổ chức hợp tác dùng nước có quản lý một phần công trình trong hệ thống công trình do công ty ty khai thác công trình thủy lợi quản lý.

3.3. Điều chỉnh hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng có biến động về chính sách tiền lương, giá cả thì cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng xem xét thỏa thuận điều chỉnh giá trị hợp đồng đặt hàng cho phù hợp.

3.4. Kết thúc năm cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng phải thực hiện thanh lý và ký biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để cơ quan đặt hàng thanh, quyết toán kinh phí cho đơn vị nhận đặt hàng và để cơ quan đặt hàng quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước.

3.5. Một số lưu ý khi ký kết hợp đồng đặt hàng:

- Căn cứ vào các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, cơ quan đặt hàng thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị nhận đặt hàng. Trường hợp trong đơn giá ký kết hợp đồng đã xây dựng một phần lợi nhuận hợp lý bao gồm cả trích 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi thì không thực hiện cấp bù 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi.

- Tùy theo đặc thù của từng hệ thống công trình thủy lợi, đơn giá đặt hàng cơ quan đặt hàng quy định tỷ lệ hoặc mức hợp lý về duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi trong hợp đồng đặt hàng. Kinh phí này chỉ được dùng để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, không được dùng vào việc khác,

không được chuyển thành lãi của đơn vị. Nếu không dùng hết được kết chuyển kinh phí sang năm sau để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi. Tỷ lệ hoặc mức về duy tu, sửa chữa, nâng cấp là cơ sở giám sát thực hiện hợp đồng đặt hàng buộc đơn vị đặt hàng phải duy tu sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình tránh bị xuống cấp.

4. Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn, kinh phí hỗ trợ tài chính cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi:

4.1. Việc cấp phát kinh phí bù thủy lợi phí được miễn đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4.2. Cấp phát kinh phí hỗ trợ tài chính cho đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

Việc cấp phát các khoản kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ và Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và theo hình thức lệnh chi tiền.

4.2.1. Cấp phát kinh phí trợ cấp, trợ giá:

a) Đối với đơn vị được giao kế hoạch:

Căn cứ vào kế hoạch được giao cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, cơ quan tài chính cấp tạm ứng 50% dự toán năm ngay từ quý I của năm kế hoạch. Đến đầu quý IV năm kế hoạch, các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi báo cáo tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm và kế hoạch quý IV của năm kế hoạch, cơ quan tài chính thực hiện việc cấp tiếp kinh phí phù hợp với kế hoạch và dự toán ngân sách được giao.

b) Đối với đơn vị đặt hàng:

Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị đặt hàng thực hiện rút dự toán để thanh toán cho đơn vị nhận đặt hàng.

Căn cứ vào hợp đồng đặt hàng giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng: cơ quan đặt hàng thực hiện tạm ứng 50% kinh phí sau khi hợp đồng được ký kết. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng giữa năm, cơ quan đặt hàng tạm ứng tiếp 40% kinh phí theo hợp đồng. Khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý cơ quan đặt hàng thực hiện thanh toán nốt tương ứng với khối lượng được nghiệm thu thanh toán.

Đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chỉ được hỗ trợ trong phạm vi dự toán ngân sách đã được phê duyệt. Trường hợp thực hiện vượt dự toán được duyệt sẽ xử lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Việc cấp phát kinh phí quy định như trên được thực hiện trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp thiên tai, bão lụt xảy ra bất thường, đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi có thể đề nghị cơ quan đặt hàng, cơ quan giao kế hoạch cấp phát tạm ứng kinh phí để khắc phục hậu quả do thiên tai trong phạm vi kế hoạch được giao; đồng thời tổng hợp các khoản thiệt hại báo cáo cơ quan giao kế hoạch xem xét, quyết định. Đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi do cấp nào quản lý thì sử dụng ngân sách cấp đó để giải quyết. Trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4.2.2. Cấp phát kinh phí sửa chữa lớn: Thực hiện cấp phát theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản và các quy định khác của pháp luật (đối với công tác sửa chữa lớn không thuộc nguồn kinh phí thu thủy lợi phí và nguồn kinh phí kinh doanh khai thác tổng hợp).

4.2.3. Cấp phát kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Việc cấp phát kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi được thực hiện tương tự cấp phát khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn trên cơ sở kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính:

5.1. Việc thực hiện quyết toán tài chính các khoản hỗ trợ tài chính khi thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí được thực hiện theo các quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

- Đối với đơn vị được giao kế hoạch: Cơ quan giao kế hoạch phối hợp với cơ quan tài chính kiểm tra và phê duyệt các khoản hỗ trợ tài chính hàng năm cùng với thời gian phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm.

- Đối với đơn vị nhận đặt hàng: Cơ quan đặt hàng thực hiện quyết toán với cơ quan tài chính theo chế độ quyết toán kinh phí ngân sách hiện hành.

5.2. Xử lý kinh phí cấp thừa thiếu:

5.2.1. Đối với kinh phí cấp theo hình thức giao kế hoạch:

Sau khi quyết toán năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nếu có số kinh phí được cấp trong năm lớn hơn số được hỗ trợ theo quyết toán thì số

chênh lệch được chuyển thành số cấp phát của năm sau; Trường hợp số cấp phát ít hơn số được hỗ trợ theo quyết toán thì sẽ được cấp tiếp. Số cấp tiếp được lấy từ dự toán ngân sách của năm sau.

5.2.2. Đối với kinh phí cấp theo hình thức đặt hàng:

Căn cứ vào quyết toán kinh phí được phê duyệt của cơ quan đặt hàng, nếu kinh phí cấp năm trước chưa sử dụng hết cơ quan nhận đặt hàng phải nộp trả ngân sách nhà nước.

Nếu kinh phí cấp năm trước chưa đủ để thanh toán cho các đơn vị nhận đặt hàng thì số thiếu được lấy từ dự toán kinh phí của năm nay để thanh toán.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TRA GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐƠN VỊ LÀM NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

1. Lập báo cáo tài chính:

- Đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Giám đốc doanh nghiệp, người đại diện pháp luật của công ty, thủ trưởng các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về tính chính xác, tính trung thực của báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính của đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi được gửi đến cơ quan quyết định thành lập đơn vị, doanh nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khai thác công trình thủy lợi và các cơ quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động:

- Công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chịu sự kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết định trên.

- Cơ quan quyết định thành lập đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chủ trì cùng cơ quan tài chính cùng cấp chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm trước của các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi trước ngày 30/6 năm sau.

- Những vi phạm về chế độ kế toán, chế độ thu chi tài chính, thu nộp ngân sách, chế độ trích lập và sử dụng các quỹ của các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

IV. QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY NHÀ NƯỚC LÀM NHIỆM VỤ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện quy chế quản lý tài chính tài chính công ty nhà nước và quản lý phần vốn nhà nước đầu tư ở doanh nghiệp khác theo các văn bản pháp luật hiện hành và các nội dung hướng dẫn sau đây:

1. Khấu hao tài sản cố định:

Việc trích khấu hao tài sản cố định của công ty khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước. Ngoài ra, các tài sản sau đây của Công ty khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.

- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Việc trích khấu hao tài sản cố định của công ty khai thác công trình thủy lợi áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Trong mọi trường hợp, công ty khai thác công trình thủy lợi không được trích khấu hao tài sản cố định ngoài khung quy định theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp cần tăng hoặc giảm mức khấu hao ngoài mức quy định phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

2. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Những máy móc thiết bị, những dây chuyền sản xuất quan trọng, trực tiếp phục vụ dịch vụ tưới nước và tiêu nước như máy bơm nước có công suất 8.000 m³/ h trở lên, hệ thống kênh mương... khi nhượng bán thanh lý phải được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện chủ sở hữu.

Đối với những tài sản cố định không phải trích khấu hao khi nhượng bán được hạch toán giảm vốn kinh doanh của doanh nghiệp, phần thu được do nhượng bán sau khi trừ chi phí nhượng bán doanh nghiệp nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước hoặc bổ sung vốn vốn điều lệ sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính và đại diện chủ sở hữu.

3. Quản lý nợ phải thu:

Đối với khoản phải thu về thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải: Công ty có trách nhiệm đôn đốc thu nộp đầy đủ, kịp thời.

Việc trích lập và quản lý dự phòng các khoản phải thu khó đòi bao gồm cả khoản thu thủy lợi phí thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4. Doanh thu, chi phí và phân phối lợi nhuận:

Doanh thu, chi phí và phân phối lợi nhuận của công ty khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

4.1. Doanh thu của Công ty khai thác công trình thủy lợi bao gồm doanh thu từ thu phí dịch vụ tưới nước, tiêu nước và cấp nước; doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi; doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định; doanh thu khác...

4.1.1. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới nước và tiêu nước: Là khoản tiền cấp bù thủy lợi phí được miễn đã được nghiệm thu theo hợp đồng giữa công ty khai thác công trình thủy lợi và hộ dùng nước. Tiền thu thủy lợi phí của các đối tượng không được miễn thủy lợi phí.

4.1.2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi mang lại như: nuôi bắt thủy sản, cho thuê âu thuyền, kinh doanh du lịch, phát điện, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt cho khu công nghiệp, hoặc các hoạt động kinh doanh khác.

4.1.3. Doanh thu khác: Là các khoản thu các khoản nợ khó đòi đã được xoá nợ nay thu hồi được, khoản thu thanh lý, nhượng bán tài sản, khoản thu do liên doanh liên kết, khoản thu do cho thuê tài chính, khoản thu về tư vấn thiết kế, xây dựng công trình và các khoản thu khác...

4.1.4. Doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định như các khoản trợ cấp, trợ giá ... (không tính vào doanh thu các khoản : Kinh phí hỗ trợ cho đại tu, nâng cấp công trình thủy lợi, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai, kinh phí hỗ trợ cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi).

4.2. Chi phí của công ty khai thác công trình thủy lợi bao gồm:

4.2.1. Chi phí cho công tác tưới nước và tiêu nước:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương (bao gồm cả tiền ăn giữa ca).

b) Các khoản phải nộp tính theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của người lao động do doanh nghiệp trực tiếp trả lương.

c) Khấu hao cơ bản tài sản cố định của những tài sản phải trích khấu hao.

d) Nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị dùng cho dịch vụ tưới nước và tiêu nước.

đ) Sửa chữa lớn tài sản cố định (trừ chi phí sửa chữa lớn được cấp kinh phí riêng).

e) Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, công trình thủy lợi.

g) Chi phí tiền điện bơm nước tưới, tiêu (bao gồm cả tiền điện bơm nước chống úng, chống hạn trong định mức và vượt định mức).

h) Chi trả tạo nguồn nước (nếu có).

i) Chi phí quản lý doanh nghiệp (bao gồm cả chi phí đàm thoại vận hành bằng hệ thống máy vi tính để điều hành nước phục vụ sản xuất).

k) Chi phí phục vụ phòng chống bão lụt, úng hạn (bao gồm cả trong điều kiện thời tiết bình thường và thiên tai).

l) Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới xây dựng chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật.

m) Chi phí cho công tác bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ công trình thủy lợi...

n) Chi phí cho công tác thu thủy lợi phí đối với các đối tượng phải thu thủy lợi phí.

o) Chi phí dự phòng: giảm giá hàng tồn kho, tổn thất đầu tư dài hạn, nợ phải thu khó đòi, trợ cấp mất việc làm.

p) Chi phí khác...

4.2.2. Chi phí cho việc hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp là chi phí cho việc nuôi trồng thủy sản, đánh bắt cá, bảo vệ, kinh doanh khác...

4.2.3. Chi phí hoạt động khác bao gồm chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ khó đòi đã được xoá nợ, chi cho việc thu tiền phạt và chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định.

Các khoản chi tiêu phải đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp pháp theo quy định hiện hành.

Công ty khai thác công trình thuỷ lợi được sử dụng doanh thu để bù đắp các khoản chi phí, trong đó:

- Doanh thu hoạt động dịch vụ tưới nước, tiêu nước và cấp nước dùng để bù đắp chi phí hoạt động dịch vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước, nộp thuế và các khoản thu khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).

- Doanh thu kinh doanh hoạt động khai thác tổng hợp dùng để bù đắp các chi phí của khai thác kinh doanh tổng hợp, nộp thuế và các khoản thu khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).

- Doanh thu hoạt động khác dùng để bù đắp các khoản chi phí về hoạt động khác (bao gồm cả thu phí xả nước thải) nộp thuế và các khoản thu khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).

4.3. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận:

4.3.1. Lợi nhuận:

Lợi nhuận thực hiện trong năm của công ty khai thác công trình thuỷ lợi là tổng lợi nhuận hoạt động tưới nước, tiêu nước, cấp nước và lợi nhuận hoạt động khai thác tổng hợp và lợi nhuận hoạt động khác.

4.3.2. Phân phối lợi nhuận:

Việc phân phối lợi nhuận của Công ty khai thác công trình thuỷ lợi thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước đối với công ty nhà nước. Công ty quản lý và khai thác công trình thuỷ lợi không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 02 tháng lương thực hiện của số cán bộ công nhân viên có mặt đến thời điểm 31/12 năm trước thì được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ kinh phí để đảm bảo trích đủ 02 quỹ với mức 02 tháng lương thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư Liên tịch số 90/1997/TTLT/TC-NN ngày 19/12/1997 của Liên Bộ

Tài chính-Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Mọi quy định trước đây về quản lý tài chính đối với công ty khai thác công trình thủy lợi trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát NDTC;
- Toà án NDTC;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Sở NN và PTNT, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW; Kiểm toán nhà nước;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01

(Kèm theo Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi).

UBND tỉnh, thành phố...

Năm:

Đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi...

**KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC	KẾ HOẠCH NĂM	GHI CHÚ
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	Ha (m³)				
1	Diện tích cấp nước	Ha (m ³)				
2	Diện tích tưới nước	Ha (m ³)				
3	Diện tích tiêu nước	Ha (m ³)				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha (m ³)				
5	Diện tích khác.....	Ha (m ³)				
II	Kế hoạch doanh thu					
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ				
2	Thu thủy lợi phí của các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí					
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
4	Thu khác	1.000đ				
III	Kế hoạch chi	1.000đ				
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi: Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	1.000đ				
2	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
3	Chi khác	1.000đ				
IV	Cân đối thu chi lãi (lỗ)	1.000đ				
1	Lãi (Lỗ) KTCTTL	1.000đ				
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000đ				
V	Chi đầu tư, sửa chữa công trình thủy lợi: Trong đó: - Chi sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty	1.000 đ				

	- Chi SCL đề nghị ngân sách cấp				
VI	Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ	1.000đ			
1.	Nội dung hỗ trợ				
1.1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ			
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	1.000đ			
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.000đ			
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000đ			
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000đ			
2.	Nguồn hỗ trợ	1.000đ			
2.1	Ngân sách Trung ương	1.000đ			
2.2	Ngân sách địa phương	1.000đ			
VII	Kế hoạch nộp ngân sách	1.000đ			
1	Nộp tiền thuê đất	1.000đ			
2	Nộp thuế GTGT	1.000đ			
3	Nộp khác	1.000đ			
VIII	Kế hoạch lao động tiền lương	1.000đ			
1	Số lao động	1.000đ			
2	Quỹ tiền lương	1.000đ			

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 02

(Kèm theo Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi).

UBND tỉnh, thành phố...
SỞ TÀI CHÍNH...

Năm:

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TOÀN TỈNH, THÀNH PHỐ...

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC	KẾ HOẠCH NĂM	GHI CHÚ
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	Ha(m3)				
1	Diện tích cấp nước	Ha (m3)				
2	Diện tích tưới nước	Ha (m3)				
3	Diện tích tiêu nước	Ha (m3)				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha (m3)				
5	Diện tích khác.....	Ha (m3)				
II	Kế hoạch doanh thu					
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ				
2	Thu thủy lợi phí của các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí					
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
4	Thu khác	1.000đ				
III	Kế hoạch chi	1.000đ				
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi: Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	1.000đ				
2	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
3	Chi khác	1.000đ				
IV	Cân đối thu chi Lãi (lỗ)	1.000đ				
1	Lãi (Lỗ) KTCTTL	1.000đ				
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000đ				
V	Chi đầu tư, sửa chữa công trình thủy lợi	1.000 đ				

	Trong đó: - Chi sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty - Chi SCL đề nghị ngân sách cấp					
VI	Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ	1.000đ				
1.	Nội dung hỗ trợ					
1.1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	1.000đ				
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	1.000đ				
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.000đ				
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000đ				
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000đ				
2.	Nguồn hỗ trợ	1.000đ				
2.1	Ngân sách Trung ương	1.000đ				
2.2	Ngân sách địa phương	1.000đ				
VII	Kế hoạch nộp ngân sách	1.000đ				
1	Nộp tiền thuê đất	1.000đ				
2	Nộp thuế GTGT	1.000đ				
3	Nộp khác	1.000đ				
VIII	Kế hoạch lao động tiền lương	1.000đ				
1	Số lao động	1.000đ				
2	Quỹ tiền lương	1.000đ				

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 03

(Kèm theo Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi).

Số.... /HĐ/KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước và tiêu nước

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL/UBTVQH 10 ngày 4/4/2001 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 143/ 2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích; Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ban hành kèm theo Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 9/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng:)

+ Địa chỉ:.....

- + Điện thoại:, Fax :
- + Mã số thuế:
- + Tài khoản:
- + Do ông, bà:
- + Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B (cơ quan nhận đặt hàng.....)
 - + Địa chỉ:
 - + Điện thoại:, Fax :
 - + Mã số thuế:
 - + Tài khoản:
 - + Do ông (bà):
 - + Chức vụ: làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1: Nội dung đặt hàng

- 1. Diện tích (m3)
 - + Cấp nước.....
 - + Tưới nước.....
 - + Tiêu nước.....

- 4. Giá trị hợp đồng :

Điều 2: Trách nhiệm mỗi bên

* **Bên A:** Phối hợp cơ quan tài chính lập kế hoạch về nguồn kinh phí hỗ trợ, thực hiện thanh toán và kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Thông tư số:/2009/TT-BTC ngày tháng năm 2009 của Bộ Tài chính.

- **Bên B:**
- Đảm bảo cung ứng cấp nước đầy đủ, kịp thời theo tiến độ sản xuất.
- Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3: Hình thức, phương thức và thời hạn thanh toán:

Điều 4 : Điều khoản chung....

Đại diện bên A
(Ký tên & đóng dấu)

Đại diện bên B
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục số 04

(Kèm theo Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi).

Số .../BBTLHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước và tiêu nước

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL/UBTVQH 10 ngày 4/4/2001 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 143/ 2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích; Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ban hành kèm theo Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 9/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

- Căn cứ;
- Căn cứ Hợp đồng số
- Căn cứ vào báo cáo kết quả sản xuất và cung ứng sản phẩm;
- Căn cứ kết quả kiểm tra số lượng, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đặt hàng đủ tiêu chuẩn.

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng:)
 - + Địa chỉ:.....
 - + Điện thoại:, Fax :.....
 - + Mã số thuế:.....
 - + Tài khoản:
 - + Do ông, bà:
 - + Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B (doanh nghiệp.....)
 - + Địa chỉ:.....
 - + Điện thoại:, Fax :
 - + Mã số thuế:.....
 - + Tài khoản:
 - + Do ông (bà):
 - + Chức vụ:làm đại diện

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm tươi tiêu và cấp nước như sau:

- Số lượng sản phẩm theo hợp đồng:
- Số lượng sản phẩm đặt hàng đạt tiêu chuẩn được nghiệm thu:
- Kinh phí trợ cấp (trợ giá):
 - + Kinh phí được trợ cấp (trợ giá) theo hợp đồng:
 - + Kinh phí được trợ cấp (trợ giá) theo kết quả nghiệm thu:
 - + Kinh phí trợ cấp (trợ giá) đã được cấp ứng:
 - + Kinh phí trợ cấp (trợ giá) được cấp tiếp:
 - + Kinh phí trợ cấp (trợ giá) thừa nộp trả lại:
- Ý kiến của cơ quan đặt hàng (bên A):
- Ý kiến của cơ quan nhận đặt hàng (bên B): ...

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên & đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên & đóng dấu)